

Bản án số: 122/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 3 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Xuân Thường

2. Bà Bùi Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Chiến, Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại: trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 611/2024/HNGĐST ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 79/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị Huyền T, sinh năm 1991; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm P, phường Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: số nhà A, đường Y, thành phố A-si, tỉnh Chungcheongnam, Hàn Quốc. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Văn phòng L, số C, đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. (Uỷ quyền giao nhận văn bản tố tụng). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Duy K, sinh năm 1990; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm P, phường Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Hàn Quốc, không rõ địa chỉ cụ thể. Vắng mặt (lần thứ hai).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị H1; Địa chỉ: xóm H, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An (mẹ đẻ chị T). Vắng mặt (có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong “Đơn khởi kiện” đề ngày 19/6/2024, Bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T trình bày: Chị và anh Dương Duy K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/04/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2016 anh K đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu anh K có liên lạc về cho chị T và gia đình để hỏi han tình hình. Tuy nhiên, do khoảng cách địa lý quá xa, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2018 trở về sau, anh K không liên hệ với chị mà chỉ liên hệ về cho bố mẹ đẻ anh K là ông Dương Văn M và bà Nguyễn Thị Q. Năm 2019, chị T cũng đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Khi sang Hàn Quốc, chị và anh K cũng không liên hệ với nhau, do anh K không liên hệ với chị nên chị không biết địa chỉ cụ thể của anh K đang ở đâu và làm gì. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã nhiều năm không còn, việc tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ khiến cả hai cùng mệt mỏi, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Dương Duy K.

Do vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nên chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Dương Duy K tại nước ngoài mà chỉ biết anh K vẫn thường xuyên liên lạc về với bố mẹ đẻ là ông Dương Văn M và bà Nguyễn Thị Q; cùng địa chỉ cư trú tại: xóm P, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An và ông M, bà Q biết địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài nên đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Dương Duy K có một con chung là cháu: Dương Trần Đăng K1, sinh ngày 19/10/2016. Nay ly hôn, chị T có nguyện vọng chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Do hiện nay chị T đang ở nước ngoài, cháu K1 đang ở cùng mẹ đẻ chị T là bà Mai Thị H1 nên khi được Tòa án giao trực tiếp nuôi dưỡng con chung, trong thời gian chị đang ở nước ngoài thì đề nghị Tòa án tạm giao cháu K1 cho mẹ đẻ của chị là bà Mai Thị H1, địa chỉ: xóm H, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi chị T trở về nước.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Giữa chị T và bà H1 tự thoả thuận.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Dương Duy K vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Tại Công văn số 37/QLXNC- Đ1 ngày 03/01/2025 của Phòng Q1 – Công an tỉnh N có nội dung: “Anh Dương Duy K, sinh ngày

02/02/1990 đã xuất cảnh ngày 05/11/2017 qua cửa khẩu S, chưa có thông tin nhập cảnh”. Vì vậy, sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn đề nghị gia đình anh K cung cấp thông tin, địa chỉ của anh K ở nước ngoài; Quyết định đưa vụ án ra xét xử... nhưng anh K vẫn không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến để giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại đơn trình bày đề ngày 18/02/2025, bà Nguyễn Thị Q (mẹ đẻ anh Dương Duy K) trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Dương Duy K, sinh ngày: 02/02/1990. Nơi đăng ký HKTT tại: xóm P, phường Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Bà đã nhận được thông báo thụ lý, công văn yêu cầu cung cấp thông tin địa chỉ của con trai bà là anh Dương Duy K và các nội dung khác liên quan đến vụ án ly hôn giữa chị T và K. Đối với việc ly hôn giữa chị Trần Thị Huyền T và anh Dương Duy K, bà có ý kiến như sau: Chị T và anh K kết hôn vào tháng 4/2016 đến cuối năm 2016 anh K đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cho đến nay. Từ khi đi xuất khẩu lao động đến nay, anh K có thường xuyên liên lạc về cho bà để hỏi thăm tình hình sức khỏe gia đình. Tuy nhiên, anh K không cung cấp thông tin địa chỉ cụ thể của anh K ở tại Hàn Quốc nên bà không biết thông tin địa chỉ của anh K đang ở nước ngoài và bà không có bất cứ tài liệu nào về địa chỉ của anh K tại Hàn Quốc nên không cung cấp được cho Tòa án. Đối với yêu cầu ly hôn của chị T bà không có ý kiến gì mà tôn trọng ý kiến của con cái. Gia đình đã thông báo qua điện thoại cho anh Dương Duy K biết việc yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh K và anh K cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Chị Trần Thị Huyền T và anh Dương Duy K có 01 con chung là cháu Dương Trần Đăng K1, sinh ngày 19/10/2016. Do cháu K1 đang còn nhỏ nên anh K và bà Q thống nhất giao cháu Dương Trần Đăng K1 cho mẹ là chị Trần Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh K được quyền đi lại thăm nom con chung.

Hiện nay, do tuổi tác đã cao và điều kiện địa lý xa xôi đi lại khó khăn nên bà Q xin phép được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại Bản tự khai đề ngày 22/01/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị H1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Trần Thị Huyền T (sinh ngày 22/8/1991). Hiện nay, chị Trần Thị Huyền T và anh Dương Duy K đều đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Về việc ly hôn giữa chị T và anh K, bà tôn trọng quyết định của con cái và phán quyết của Tòa án. Về con chung: Chị T và

anh K có 01 con chung là cháu Dương Trần Đăng K1, sinh ngày 19/10/2016. Kể từ khi chị T và anh K đi nước ngoài cho đến nay cháu Dương Trần Đăng K1 ở cùng với bà H1 và do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Trong trường hợp Toà án giao cháu K1 cho chị T nuôi dưỡng và chị T có nhờ bà chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi chị T về Việt Nam thì bà hoàn toàn đồng ý. Bà không yêu cầu chị T, anh K thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi cháu Dương Trần Đăng K1 từ khi chị T và anh K đi nước ngoài cho đến nay và sau này.

Do hiện tại tuổi đã cao, việc đi lại khó khăn nên bà đề nghị Toà án cho bà được vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 19/6/2024, chị Trần Thị Huyền T có đơn khởi kiện gửi tới Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Dương Duy K. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì chị T và anh K đều có nơi cư trú trước khi xuất cảnh là xóm P, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Chị T có chỗ ở hiện nay tại: số nhà A, đường Y, thành phố A-si, tỉnh Chungcheongnam, Hàn Quốc còn anh K đã đi xuất khẩu lao động tại đất nước Hàn Quốc từ năm 2016 đến nay chưa về nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai H1 vắng mặt và đều đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Dương Duy K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy anh Dương Duy K, hiện nay vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm P, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An nhưng đã đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc từ năm 2016, không có mặt tại địa phương mà không thông báo địa chỉ nơi cư trú hiện nay. Tòa án đã có công văn yêu cầu cung cấp địa chỉ anh K ở nước ngoài nhưng theo bà Nguyễn Thị Q (mẹ đẻ anh K) thì anh K tuy vẫn có liên hệ với gia đình và đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Huyền T nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ cụ thể, không gửi lời khai về nên gia đình không có để cung cấp cho Tòa án. Do đó, cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T, bị đơn anh Dương Duy K và

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị H1. Đồng thời, do trong vụ án ly hôn này, Tòa án không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Huyền T và anh Dương Duy K được xác lập trên cơ sở do hai người tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận nhưng hạnh phúc gia đình không xây dựng được lâu dài do tính tình hai anh chị không phù hợp, bất đồng về quan điểm sống, hoàn cảnh mưu sinh vất vả phải sống xa nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai anh chị tuy cùng sinh sống tại Hàn Quốc nhưng đã không liên lạc, quan tâm tới nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh K lại không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không cung cấp được chứng cứ gì về phương án khắc phục tình trạng vợ chồng. Hội đồng xét thấy, thời gian vợ chồng chung sống với nhau là không dài nhưng đã ly thân nhiều năm nay mà cả hai bên đương sự đều không có giải pháp gì để đoàn tụ, nguyên đơn chị T cũng kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị T yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T, bà Q, bà H1 đều thống nhất trình bày: Vợ chồng chị T, anh K có 01 con chung là cháu Dương Trần Đăng K1, sinh ngày 19/10/2016. Hiện nay cháu K1 đang ở cùng bà ngoại là bà Mai Thị H1. Nay ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, đề nghị Tòa án tạm giao cháu K1 cho bà H1 chăm sóc nuôi dưỡng đến khi chị T về nước; không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Bà H1 đồng ý tự nguyện tiếp tục nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K1 cho đến khi chị T trở về nước. Hội đồng xét thấy: Theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc nuôi con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, chị T và anh K hiện nay đều đang ở nước ngoài. Bà Q (mẹ đẻ anh K) cũng không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi cư trú của anh K tại nước ngoài. Chị T có ý kiến đề nghị được nuôi con và tạm giao cháu cho bà H1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến khi chị T trở về nước. Từ khi, chị T và anh K đi nước ngoài đến nay, cháu Đăng K1 được bà H1 (mẹ đẻ chị T) là bà ngoại cháu quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập ổn định và hiện bà H1 đồng ý tiếp tục quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu chu đáo cho đến khi chị T về nước, do đó cần giao cháu K1 cho chị

T nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của bà Mai Thị H1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án chưa xem xét.

Về công sức trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Trần Đăng K1: bà H1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu từ nhỏ đến nay nhưng không yêu cầu chị T, anh K phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh K cũng chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa có cơ sở xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị Huyền T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 104, 122, 123, 124, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Huyền T và anh Dương Duy K.

2. *Về quan hệ con chung*: Giao con chung là cháu Dương Trần Đăng K1, sinh ngày 19/10/2016 cho chị Trần Thị Huyền T chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mai Thị H1 nhận trách nhiệm tiếp tục quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Trần Đăng K1 trong thời gian chị T chưa về nước.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Huyền T không yêu cầu và anh Dương Duy K cũng chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét.

Anh Dương Duy K có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về công sức trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Trần Đăng K1: bà Mai Thị H1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu từ nhỏ đến nay nhưng không yêu cầu chị T, anh K phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Huyền T không yêu cầu và anh Dương Duy K cũng không có ý kiến gì nên Tòa án không giải quyết. Dành quyền khởi kiện liên quan đến chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Huyền T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013583 ngày 29/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau: bà Mai Thị H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị Huyền T, anh Dương Duy K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Đông Hiếu, thị xã Thái Hoà;
(theo Giấy ĐKKH số 15/2016 ngày
04/04/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nga

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Xuân Thường Bùi Thị H2

Nguyễn Thị Thanh N